

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Phùng

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/QĐST-HGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1991. Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Phan Viết K, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Đ, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 05 tháng 5 năm 2019 và các bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Cao Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Phan Viết K tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K vào ngày 14 tháng 3 năm 2010 (Giấy chứng

nhận kết hôn số 16). Quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, trầm trọng nhất từ tháng 3 năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, anh K thường xuyên uống rượu, ham chơi cờ bạc, từ đó vợ chồng đánh cãi chửi nhau rất nhiều lần. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 4 năm 2018 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh K.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phan Thị Mai A, sinh ngày 07/12/2010; Phan Việt T1, sinh ngày 22/12/2011 đang do anh K nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao hai con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh K, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phan Việt K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 22 tháng 7 năm 2019 thống nhất với chị T về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống; nguyên nhân dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, do bất đồng quan điểm, chị T lập trường không vững vàng, luôn tôn trọng ý kiến của người thân chị T mà không quan tâm đến anh; mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, đã nhiều lần chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, lần sau cùng từ tháng 4/2018 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị T xin ly hôn, anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị T đã trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi; yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Thủy; cho chị Cao Thị T được ly hôn anh Phan Việt K.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thị Mai A, sinh ngày 07/12/2010; Phan Việt T1, sinh ngày 22/12/2011 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K, mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh K là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T xin ly hôn, anh K xin đoàn tụ. Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã N cung cấp thì hôn nhân của chị Cao Thị T và anh Phan Việt K là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị thường xảy ra cãi chửi nhau, trầm trọng hơn từ tháng 3 năm 2018, do bất đồng quan điểm, cả hai anh chị đều không có lập

trường vững vàng, anh K đánh chửi chị nhiều lần; mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị T đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ ở, lần sau cùng từ tháng 4/2018 đến nay không quan tâm đến nhau. Do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên xử cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh K.

[4] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là Phan Thị Mai A, sinh ngày 07/12/2010; Phan Việt T1, sinh ngày 22/12/2011 đang do anh K nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng giao hai con cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K, mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng. Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của các bên đương sự và chính quyền xã N cung cấp thì anh K làm nghề lao động tự do, thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/1 tháng, có chỗ ở ổn định, bên cạnh đó còn có bố mẹ đẻ anh K giúp đỡ, chăm sóc hai cháu rất tốt, đảm bảo cuộc sống cho hai cháu được học tập đầy đủ; Chị T làm công nhân giày da, thu nhập trung bình mỗi tháng 5.000.000 đồng; đối với hai cháu đều có nguyện vọng được ở với anh K. Do đó cần giao hai cháu cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K, mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng là phù hợp.

[5] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T được ly hôn anh Phan Việt K.
2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Mai A, sinh ngày 07/12/2010; Phan Việt T1, sinh ngày 22/12/2011 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ

18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh K, mỗi cháu 1.500.000 đồng/ tháng.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh K mà chị T chưa thi hành án xong số tiền cấp dưỡng nuôi con thì chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0012294 ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T còn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã N;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dịu